

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện các tiêu chí để đạt chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kết luận số 375-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 377/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tại Tờ trình số 245/TTr-SGDĐT ngày 20/01/2025,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các tiêu chí để đạt chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Tiếp tục đáp ứng yêu cầu đổi mới sự nghiệp GD&ĐT, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thụ hưởng dịch vụ giáo dục của xã hội.

- Chuẩn hóa, hiện đại hóa về các hoạt động tổ chức và quản lý trường học, cơ sở vật chất (CSVC) và đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV) nhằm tạo môi trường giáo dục đáp ứng các yêu cầu theo quy định, tạo cơ hội bình đẳng về điều kiện học tập cho học sinh.

- Làm chuyển biến về nhận thức của các cấp, các ngành; trên cơ sở đó huy động sức mạnh tổng hợp của nhà trường - gia đình - xã hội để xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Kiểm định chất lượng giáo dục nhằm xác định nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

- Công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với nhà trường nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Phần đầu đạt tỉ lệ 70% (tương ứng 273/390 trường) số trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Yêu cầu

- Việc xây dựng trường học đáp ứng tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục và chuẩn quốc gia phải đảm bảo triển khai theo đúng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của HĐND tỉnh và đảm bảo lộ trình xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đoạn 2021 - 2025 theo kế hoạch đã được UBND tỉnh ban hành.

- Công tác xây dựng trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia phải được xác định là nhiệm vụ trọng tâm; đòi hỏi sự quan tâm, vào cuộc của toàn hệ thống chính trị; được thực hiện độc lập, khách quan, đúng pháp luật; bảo đảm trung thực, công khai, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tế, gắn với việc nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cơ sở giáo dục. Việc xây dựng tiêu chí trường học đạt chuẩn gắn liền với xây dựng các giải pháp đồng bộ thực hiện các tiêu chí đáp ứng theo quy định của từng cấp học.

- Sở GD&ĐT chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đạt các tiêu chí, đảm bảo đúng quy định; đối với nội dung vượt thẩm quyền, tham mưu UBND tỉnh cụ thể.

- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh chủ động rà soát các tiêu chí, đánh giá đúng thực trạng, từ đó có giải pháp, tham mưu thực hiện hiệu quả. Việc xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí phải phù hợp với thực tế, bám sát vào tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia do Bộ GD&ĐT ban hành.

II. THỰC TRẠNG

1. Thực trạng

1.1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh trong công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và các điều kiện phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Sự đồng thuận của các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, đoàn thể và

toàn thể xã hội trong quá trình triển khai xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Đội ngũ CBQL, GV, NV các trường học năng động, sáng tạo, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

1.2. Khó khăn

- Hầu hết các trường được giao đạt chuẩn quốc gia năm 2025 đều chưa được công nhận trước đó theo các quy định hiện hành. Do đó, việc đầu tư, mua sắm trang bị CSVC, phương tiện dạy học chiếm nguồn vốn lớn so với những trường đã được ưu tiên đưa vào lộ trình đạt chuẩn cho các năm trước. Trong khi đó, với bối cảnh khó khăn chung, việc bố trí kinh phí gặp nhiều khó khăn để đảm bảo các yêu cầu cơ sở vật chất nhằm đáp ứng tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia.

- Nhiều trường học ở trung tâm đô thị chịu áp lực lớn về sĩ số học sinh/lớp, số lớp/trường, diện tích bình quân tối thiểu/học sinh nên không đáp ứng được các tiêu chí liên quan để đạt chuẩn quốc gia (như tại thành phố Đồng Xoài).

- Tại một số địa phương (huyện Bù Đăng, huyện Bù Gia Mập, ...) đang gặp khó khăn trong việc thực hiện thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc tiến hành xây dựng các khối công trình cho các trường học nhằm đạt chuẩn quốc gia. Nguyên nhân là do nguồn gốc đất chưa được xác định rõ, đất lâm phần, đất nằm trên nguồn khoáng sản.

- Nhiều trường không đảm bảo được yêu cầu về giáo viên, nhân viên so với quy định do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là không có nguồn tuyển.

1.3. Thực trạng đội ngũ CBQL của các trường học trên địa bàn tỉnh tính đến tháng 01/2025, cụ thể như sau:

Stt	Tên cơ quan chủ quản	Tổng số trường trực thuộc	Số lượng CBQL đang thiếu		Tổng số CBQL đang thiếu	Số CBQL thiếu đối với các trường giao đạt chuẩn năm 2025		Ghi chú
			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng		Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	
1	TP Đồng Xoài	31	0	4	4	0	1	
2	TX Chơn Thành	23	0	3	3	0	1	
3	TX Bình Long	21	1	0	1	0	0	
4	TX Phước Long	23	0	0	0	0	0	
5	Huyện Đồng Phú	27	1	2	3	0	1	
6	Huyện Bù Đăng	54	2	15	17	0	1	
7	Huyện Phú Riềng	39	1	16	17	1	4	
8	Huyện Bù Gia Mập	33	1	1	2	0	0	
9	Huyện Hớn Quản	34	0	1	1	0	1	
10	Huyện Lộc Ninh	46	1	3	4	0	3	
11	Huyện Bù Đốp	22	0	4	4	0	0	
12	Sở GD&ĐT	37	3	0	3	0	0	
Cộng		390	10	49	59	1	12	

1.4. Thực trạng đội ngũ giáo viên, nhân viên của các trường học trên địa bàn tỉnh tính đến tháng 01/2025:

Stt	Tên cơ quan chủ quản	Tổng số trường trực thuộc	Số lượng GV, NV đang thiếu		Tổng số GV, NV đang thiếu	Số GV, NV thiếu đối với các trường giao đạt chuẩn năm 2025 thiếu đối với các trường giao đạt chuẩn năm 2025		Ghi chú
			Giáo viên	Nhân viên		Giáo viên	Nhân viên	
1	TP Đồng Xoài	31	158	37	195	15	9	
2	TX Chơn Thành	23	86	33	119	26	4	
3	TX Bình Long	21	0	0	0	0	0	
4	TX Phước Long	23	46	24	70	0	0	
5	Huyện Đồng Phú	27	32	30	62	0	1	
6	Huyện Bù Đăng	54	2	15	17	0	1	
7	Huyện Phú Riềng	39	0	12	12	0	0	
8	Huyện B.G. Mập	33	40	8	48	0	0	
9	Huyện Hớn Quản	34	55	11	66	6	4	
10	Huyện Lộc Ninh	46	82	10	92	10	3	
11	Huyện Bù Đốp	22	45	38	83	0	0	
12	Sở GD&ĐT	37	155	31	186	0	7	
Cộng		390	701	249	950	57	29	

1.5. Tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường học:

Stt	Tên cơ quan chủ quản	Tổng số trường trực thuộc	Tổng số trường thiếu GCN QSDĐ	Số trường thiếu GCN QSDĐ được giao đạt chuẩn năm 2025	Số trường có nhu cầu mở rộng đất trên cơ sở khu đất cũ năm 2025
1	UBND TP Đồng Xoài	31	0	0	4
2	Thị xã Chơn Thành	23	10	4	0
3	Thị xã Bình Long	21	0	0	0
4	Huyện Đồng Phú	27	2	0	0
5	Huyện Bù Đăng	54	42	4	2
6	Huyện Phú Riềng	39	18	2	1
7	Huyện Bù Gia Mập	33	23	1	2
8	Huyện Hớn Quản	34	16	1	1
9	Huyện Lộc Ninh	46	13	2	0
10	Huyện Bù Đốp	22	3	1	4
11	Sở GD&ĐT	37	07	1	0
Cộng		330	130	16	14

(Kèm theo: Phụ lục 2 - Bảng tổng hợp nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhu cầu mở rộng đất năm 2025).

2. Kết quả đạt được

2.1. Kết quả công nhận tính riêng cho năm 2024:

Tổng số trường được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận và cấp Bằng đạt chuẩn quốc gia trong năm 2024 tính đến ngày 31/12/2024 là 84 trường, chia ra theo cấp học cụ thể như sau:

- Cấp học mầm non: 30 trường.
- Cấp học tiểu học: 20 trường.
- Cấp học trung học cơ sở: 24 trường.
- Cấp học trung học phổ thông: 10 trường.

2.2. Kết quả công nhận tính theo lũy tiến:

Tính đến ngày 31/12/2024, toàn tỉnh có 246/390 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỉ lệ 63,07% - vượt chỉ tiêu được giao theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh là 5,38%.

a. Kết quả chia theo phân cấp quản lý:

Stt	Tên cơ quan chủ quản	Tổng số trường trực thuộc	Số lượng trường đạt chuẩn	Tỉ lệ %
1	UBND TP Đồng Xoài	31	26	83,87
2	UBND TX. Chơn Thành	23	12	52,17
3	UBND TX. Bình Long	21	12	57,14
4	UBND TX. Phước Long	23	18	78,26
5	UBND huyện Đồng Phú	27	17	62,96
6	UBND huyện Bù Đăng	54	32	59,25
7	UBND huyện Phú Riềng	39	26	66,67
8	UBND huyện Bù Gia Mập	33	16	48,48
9	UBND huyện Hớn Quản	34	16	47,05
10	UBND huyện Lộc Ninh	46	29	63,04
11	UBND huyện Bù Đốp	22	15	68,18
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	37	27	72,97
Cộng		390	246	63,07%

b. Kết quả chia theo cấp học:

Stt	Cấp học	Tổng số trường (công lập)	Số lượng trường đạt chuẩn	Tỉ lệ %
1	Mầm non	123	87	70,73
2	Tiểu học	122	71	58,19
3	Trung học cơ sở	108	61	56,48
4	Trung học phổ thông	37	27	72,97
Cộng		390	246	63,07

III. CHỈ TIÊU, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ

1. Chỉ tiêu

Năm 2025, toàn tỉnh phấn đấu có ít nhất 273/390 cơ sở giáo dục công lập được công nhận đạt chuẩn quốc gia quốc gia (tương ứng tỉ lệ 70%).

Số trường được công nhận và công nhận lại trong năm 2025 theo phân cấp quản lý như sau:

Stt	Đơn vị	Tổng số trường trực thuộc	Số trường đang đạt chuẩn quốc gia	Số trường đã có Quyết định thành lập Đoàn năm 2024 chưa được công nhận	Số trường cần được công nhận tính riêng cho năm 2025 theo Kế hoạch đơn vị		Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia đến hết năm 2025	Tỉ lệ %
					Công nhận mới	Công nhận lại		
1	Đồng Xoài	31	26		04		30	96,77%
2	Chơn Thành	23	12		05		17	73,91%
3	Bình Long	21	12	01	02	01	15	71,42%
4	Phước Long	23	18		00		18	78,26%
5	Đồng Phú	27	17		02		19	70,37%
6	Bù Đăng	54	32	01	05		38	70,37%
7	Phú Riềng	39	26	02	01	03	29	74,35%
8	Bù Gia Mập	33	16		01		17	51,51%
9	Hớn Quản	34	16	02	03		21	61,76%
10	Lộc Ninh	46	29		04	01	33	71,73%
11	Bù Đốp	22	15		01		16	72,72%
12	Sở GD&ĐT	37	27		02		29	78,37%
Tổng cộng		390	246	6	30	5	282	72,3%

2. Kế hoạch thực hiện các tiêu chí

Trong tháng 12/2024, Sở GD&ĐT đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan tiến hành rà soát và thống nhất các giải pháp nhằm cụ thể hóa các tiêu chí để các trường học được giao đạt chuẩn quốc gia năm 2025 hoàn thành chỉ tiêu theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh (*Công văn số 4992/SGDĐT-QLCLGD ngày 09/12/2024 của Sở GD&ĐT báo cáo kế hoạch xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia năm 2025*).

Ngoài chỉ tiêu, số lượng trường cần đạt chuẩn quốc gia theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh giao; UBND tỉnh khuyến khích các địa phương căn cứ tình hình thực tế, đăng ký thêm số trường đạt chuẩn để giảm áp lực chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia cho giai đoạn 2026-2030.

(Kèm theo: Phụ lục 1 - Bảng tổng hợp kế hoạch thực hiện tiêu chí để đạt trường chuẩn quốc gia năm 2025).

IV. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo

Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức - đoàn thể và toàn xã hội. Xác định công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia là mục tiêu quan trọng trong sự nghiệp phát triển GD&ĐT; đồng thời là giải pháp tiên quyết nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đòi hỏi các cấp quản lý tăng cường sự chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện tốt các nội dung: xây dựng kế hoạch với lộ trình, giải pháp cụ thể, đồng bộ; triển khai thực hiện kế hoạch khoa học, phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở giáo dục và của địa phương; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và công tác hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tham mưu, phối hợp

- Tuyên truyền sâu rộng trong toàn xã hội về kết quả công tác xây dựng trường chuẩn trong thời gian qua; tầm quan trọng, sự cần thiết và lộ trình, các điều kiện cần có để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trong năm 2025 để tạo sự đồng thuận, chia sẻ, hỗ trợ cùng ngành Giáo dục trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường công tác truyền thông, vận động triển khai xây dựng trường chuẩn quốc gia gắn với xây dựng nông thôn mới. Đây là giải pháp quan trọng để tạo ra sự đồng thuận về sự cần thiết phải xây dựng trường chuẩn quốc gia, từ đó có trách nhiệm phối hợp với ngành Giáo dục cùng thực hiện. Tạo ra sự chuyển biến về nhận thức đúng trong lãnh đạo của địa phương và nhân dân về việc xây dựng trường chuẩn quốc gia, xem đây là một yêu cầu cần thiết, tất yếu để nâng cao chất lượng toàn diện cho việc dạy và học trong giai đoạn hiện nay.

- Tích cực tham mưu với lãnh đạo các cấp về lộ trình xây dựng trường chuẩn trong năm 2025. Trong đó, quan tâm đồng thời đến các trường học duy trì đạt chuẩn và các trường phấn đấu được công nhận mới theo kế hoạch; phân công, phân nhiệm cụ thể từng nội dung về đầu tư cơ sở vật chất, bố trí kinh phí thực hiện, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giáo viên, chất lượng giáo dục, công tác xã hội hóa...

- Tích cực phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, hội, đoàn thể các cấp để huy động sự tham gia, cộng đồng trách nhiệm trong công tác giáo dục nói chung và công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia nói riêng.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ, đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu hợp lý

- Tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, GV, NV, bắt đầu từ quan điểm, nhận thức về những mục tiêu, nội dung giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tăng cường củng cố bộ máy tổ chức trong nhà trường, đảm bảo đáp ứng quy định về số lượng và chất lượng của CBQL, GV, NV; bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường; đủ về số lượng, hoàn thiện về cơ cấu, có chất lượng cao.

- Đa dạng hóa hình thức bồi dưỡng đội ngũ để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Khuyến khích các trường tìm ra các giải pháp phù hợp, đúng quy định để nâng cao chất lượng dạy và học nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng của trường chuẩn quốc gia.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học

- Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, nâng cao hiệu quả tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

- Huy động tối đa học sinh ra lớp, duy trì tốt sĩ số học sinh, thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong giáo dục học sinh, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.

- Tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, kỹ năng sống, xây dựng thái độ học tập tích cực cho học sinh. Triển khai tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua của ngành Giáo dục; đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giáo dục ngoài giờ lên lớp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực học sinh; đẩy mạnh các biện pháp bồi dưỡng học sinh khá giỏi nhằm tăng tỉ lệ học sinh khá, giỏi; quan tâm phụ đạo học sinh yếu kém để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giảm tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học, tỉ lệ học sinh yếu, kém.

- Đổi mới công tác kiểm tra và đánh giá, mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh; vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy, tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động nâng cao chất lượng dạy học. Triển khai hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua của ngành; đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao, giáo dục kỹ năng sống, an toàn giao thông,...

5. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị; đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường học

- Cụ thể hóa chương trình hành động của ngành, của địa phương để lập kế hoạch lồng ghép các nguồn lực, vận động các doanh nghiệp và mạnh thường quân, đầu tư cơ sở vật chất, sửa chữa trường lớp học, mua sắm và trang bị các thiết bị dạy học hiện đại; tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho phát triển GD&ĐT nói chung, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia nói riêng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sự nghiệp GD&ĐT.

- Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, hiện đại hoá đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn quy định tại các Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định phòng học bộ môn các cơ sở giáo dục phổ thông và Quyết định số 49/2021/UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Sắp xếp, bố trí các khối công trình hợp lý để tăng cường hiệu quả sử dụng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tăng cường thực hiện các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Rà soát tổng thể tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trường học; rà soát việc phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị để giải quyết, xử lý dứt điểm những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai của trường học cũng như thủ tục mở rộng quỹ đất của các trường nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động giáo dục và đáp ứng tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định hiện hành; đảm bảo tiến độ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

6. Công tác báo cáo, kiểm tra

- Sở GD&ĐT định kỳ tổng hợp kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ từ các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ sở giáo dục, báo cáo UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền đúng quy định; tham mưu UBND tỉnh các giải pháp khả thi để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch ở các địa phương, các cơ sở giáo dục.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan thường trực, giúp UBND tỉnh triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng quy định, phù hợp tình hình thực tế. Trong đó:

1.1. Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị liên quan rà soát, báo cáo các khó khăn, vướng mắc để hoàn thành chỉ tiêu xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025, báo cáo UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định.

1.2. Phối hợp các sở, ngành, địa phương chỉ đạo bộ phận, đơn vị, cơ quan trực thuộc chủ động tổ chức, triển khai và thực hiện có hiệu quả các nội dung theo lĩnh vực phụ trách nhằm đạt chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025.

1.3. Phối hợp với Sở Nội vụ, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên trong chỉ tiêu biên chế theo đúng quy định của pháp luật.

1.4. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã thành phố rà soát, tổng hợp tình hình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các trường học theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và phối hợp với UBND cấp huyện đôn đốc các trường chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền để được chỉ đạo kịp thời, đúng quy định.

1.5. Chủ động đôn đốc, hướng dẫn các Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá, đảm bảo đúng quy trình theo quy định; tổ chức tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá và đánh giá ngoài theo các quy định hiện hành của ngành giáo dục.

1.6. Định kỳ hằng quý hoặc theo yêu cầu công tác, tổ chức các cuộc họp chuyên đề hoặc thành lập các đoàn công tác làm việc với UBND các huyện, thị xã, thành phố để tìm biện pháp hoặc tham mưu biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

Yêu cầu:

- Đối với các nhiệm vụ được giao tại tiểu mục 1.2, 1.3 và 1.5: ***Hoàn thành trước ngày 30/3/2025.***

- Đối với các nhiệm vụ khác: Triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện về UBND tỉnh **trước ngày 27 hằng tháng** (có kiến nghị, đề xuất, tham mưu chỉ đạo cụ thể đối với những nội dung vượt thẩm quyền).

2. Sở Nội vụ

2.1. Phối hợp với Sở GD&ĐT, UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát nhu cầu biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao bổ sung số lượng hợp đồng lao động làm công việc ở vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục năm học 2025 - 2026 theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ. ***Thời gian hoàn thành: trước tháng 9/2025.***

2.2. Thẩm định và phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp GD&ĐT của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định.

Yêu cầu: Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các nội dung trên và các nhiệm vụ khác được giao có liên quan, gửi Sở GD&ĐT **trước ngày 15 của tháng cuối mỗi quý** để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh cụ thể.

3. Sở Tài chính

Tùy vào khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện Kế hoạch, đồng thời thực hiện quyết toán theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở GD&ĐT và đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét bổ sung các dự án thuộc lĩnh vực GD&ĐT vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 khi vốn ngân sách tỉnh được đảm bảo và theo quy định của Luật Đầu tư công.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

5.1. Thẩm định nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở GD&ĐT do UBND các huyện, thị xã, thành phố đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, trong đó có xét đến nhu cầu mở rộng các điểm trường đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn trường học đạt chuẩn quốc gia.

5.2. Tham mưu UBND tỉnh giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng thẩm quyền, đúng quy định.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo

đúng quy định. Trong quá trình thực hiện thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình giáo dục phải tuân thủ đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế hiện hành, lưu ý đến quy mô và quy cách quy định đối với trường học đạt chuẩn quốc gia.

7. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

Đẩy nhanh tiến độ thi công đối với các công trình thuộc ngành Giáo dục được UBND tỉnh giao thực hiện năm 2024, năm 2025 để các cơ sở giáo dục đáp ứng tiêu chí về cơ sở vật chất theo yêu cầu trường học đạt chuẩn quốc gia.

8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

8.1. Rà soát thực trạng từng trường trực thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc lộ trình đạt chuẩn được giao trong năm 2025; có kế hoạch bổ sung chi tiết cho từng cơ sở giáo dục được giao đạt chuẩn năm 2025; đề ra giải pháp khả thi, tập trung các nguồn lực hợp pháp, thực hiện hiệu quả các tiêu chí xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2025 đúng quy định, đúng yêu cầu.

8.2. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND cấp xã: phối hợp triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ các trường học thực hiện tốt công tác tự đánh giá, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá đảm bảo chất lượng; chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện các tiêu chuẩn, tiêu chí chưa đạt để hoàn thành đúng thời gian quy định; chủ động hoặc phối hợp trong việc thực hiện mua sắm các thiết bị, dụng cụ dạy học đảm bảo đúng quy định; chỉ đạo các đơn vị trường học được giao đạt chuẩn năm 2025 gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài về Sở GD&ĐT trước ngày 30/4/2025; định kỳ báo cáo UBND tỉnh (qua Sở GD&ĐT) về tiến độ thực hiện kế hoạch.

8.3. Ưu tiên bố trí kinh phí để xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ dạy học đảm bảo yêu cầu tiêu chí trường học đạt chuẩn quốc gia cho các trường được giao trong năm 2025.

8.4. Phối hợp với Sở Nội vụ:

Khẩn trương rà soát nhu cầu biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục năm học 2025-2026; đề xuất số lượng người làm việc so với định mức do Bộ GD&ĐT quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT, Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023, gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

Căn cứ biên chế được cấp có thẩm quyền giao và nhu cầu giáo viên năm học 2024 - 2025, khẩn trương xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên trong chỉ tiêu biên chế theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, vị trí việc làm, cơ cấu môn học theo từng bậc học (trong đó, ưu tiên chỉ tiêu tuyển dụng cho giáo viên dạy học các môn Ngoại ngữ và Tin học). Rà soát nhu cầu viên chức quản lý ở các trường trực thuộc, khẩn trương xây dựng phương án bố trí viên chức quản lý cho những đơn vị còn thiếu.

Trong trường hợp chưa thể tuyển dụng đủ giáo viên theo định mức thì thực hiện các giải pháp hợp đồng giáo viên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ, đảm bảo đúng quy định.

8.5. Tổ chức lại các cơ sở giáo dục gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát, sắp xếp lại cơ cấu trường, lớp, bảo đảm sĩ số học sinh/lớp theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và chỉ đạo của UBND tỉnh, phù hợp với thực tế của từng vùng, địa bàn.

Cơ cấu lại, sắp xếp hợp lý đội ngũ để giải quyết tình trạng vừa thừa, vừa thiếu giáo viên (như thực hiện điều chuyển giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu; bố trí giáo viên đi đào tạo để dạy các môn tích hợp...), gắn với việc hoàn thiện các chính sách để khắc phục tình trạng thiếu nguồn tuyển dụng giáo viên (như: tiếp tục hợp đồng thỉnh giảng đối với những giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định; chủ động rà soát số giáo viên được đào tạo ra trường chưa đạt trình độ chuẩn của nhà giáo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019. Lập kế hoạch, ký hợp đồng đặt hàng đối với các cơ sở giáo dục được giao đào tạo giáo viên thực hiện đào tạo để đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019).

8.6. Hướng dẫn các trường học trên địa bàn về quy trình, thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của trường; giao nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban chuyên môn, UBND cấp xã hướng dẫn, đôn đốc để các trường được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có phương án bố trí quỹ đất để mở rộng quy mô trường lớp nhằm đáp ứng yêu cầu tăng số lượng học sinh hằng năm.

8.7. Huy động tối đa mọi nguồn lực, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn vốn của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ, góp vốn xây dựng, hiến đất, cho vay vốn đầu tư.

8.8. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong đầu tư phát triển giáo dục.

Yêu cầu:

- Đối với các nhiệm vụ được nêu tại tiểu mục 8.1, 8.2 và 8.6: ***Hoàn thành trước ngày 15/3/2025.***

- Đối với các nhiệm vụ khác: Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các nội dung trên và các nhiệm vụ khác có liên quan được giao, gửi Sở GD&ĐTĐT ***trước ngày 25 hằng tháng*** để tổng hợp, báo cáo, tham mưu UBND tỉnh cụ thể .

Trên đây là Kế hoạch thực hiện các tiêu chí để đạt chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HỖND tỉnh,
BTT UB MTTQ Việt Nam;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban VH-XH, HỖND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PVX (Nga.66a/25).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHỤ LỤC 1

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ ĐỂ ĐẠT TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Phước

thực hiện các tiêu chí để đạt chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025)

Stt	Tên trường được giao đạt chuẩn năm 2025	Huyện/ thị xã / thành phố	Nội dung cơ bản chưa đáp ứng so với trường đạt KĐCLGD Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 (tính đến tháng 12/2024)	Định lượng (số phòng, số người, số tiền,...) cần để đáp ứng các nội dung cơ bản đáp ứng được so với trường đạt KĐCLGD Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1	Kế hoạch, giải pháp khắc phục (rõ thời gian dự kiến hoàn thành việc bổ sung, khắc phục)	Lịch giao trường đăng ký đánh giá ngoài với Sở GD&ĐT (tháng/năm)
I. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GD&ĐT						
1	THPT Đồng Phú	Đồng Phú	Cơ bản đáp ứng			7/2024
2	THPT Phú Riềng	Phú Riềng	Cơ bản đáp ứng			3/2024
3	THPT Phước Bình	Phước Long	Cơ bản đáp ứng			7/2024
4	THPT Lộc Hiệp	Lộc Ninh	Cơ bản đáp ứng			7/2024
5	THPT Lộc Ninh	Lộc Ninh	Cơ bản đáp ứng			7/2024
II. THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI						
6	TH Tân Thành		Vượt số lớp/trường theo quy định (trên 30 lớp) Thiếu 02 giáo viên đứng lớp		Tiếp tục phân luồng tuyển sinh đảm bảo sĩ số lớp theo quy định vào các năm học tiếp theo.	3/2024

		Thành phố Đồng Xoài			Thành phố có kế hoạch tuyển dụng giáo viên. Thành phố tiếp tục thông báo rộng rãi để tuyển dụng đủ giáo viên các trường học.	
7	TH Tân Thiện	Thành phố Đồng Xoài	Thiếu quỹ đất. Thiếu 01 giáo viên đứng lớp		Tiếp tục phân luồng tuyển sinh đảm diện tích đất/1 học sinh theo quy định vào các năm học tiếp theo.	3/2024
8	TH Tiến Hưng A	Thành phố Đồng Xoài	Một số lớp sĩ số học sinh trên 35 học sinh/lớp. Thiếu 05 giáo viên đứng lớp		Tiếp tục phân luồng tuyển sinh đảm bảo sĩ số lớp theo quy định vào các năm học tiếp theo. Thành phố có kế hoạch tuyển dụng giáo viên. Thành phố tiếp tục thông báo rộng rãi để tuyển dụng đủ giáo viên các trường học.	4/2024
9	TH Tân Phú	Thành phố Đồng Xoài	Một số lớp sĩ số học sinh trên 35 học sinh/lớp. Có 22 phòng học cấp 4 Thiếu 01 giáo viên đứng lớp	Xây thay thế 22 phòng học cấp 4 và một số hạng mục, ước tính khoảng 30 tỷ đồng	Tiếp tục phân luồng tuyển sinh đảm bảo sĩ số lớp theo quy định vào các năm học tiếp theo. Thành phố có kế hoạch tuyển dụng giáo viên. Đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp.	4/2025
III. THỊ XÃ BÌNH LONG						
10	MN Sơn Ca	TX Bình Long	Tiêu chuẩn 3 CSVC	- Hành chính quản trị 4 phòng = 4,8 tỷ		

				- Phòng học 5 phòng = 9 tỷ - Phụ trợ: 4 hạng mục = 4,6 tỷ		4/2025
11	TH An Lộc B	TX Bình Long	Tiêu chuẩn 3 CSVC	- Hành chính quản trị 3 phòng - 3,6 tỷ - Phòng học 5 phòng = 7,5 tỷ - Phụ trợ: 3 hạng mục = 3,6 tỷ		4/2025
12	THCS An Lộc	TX Bình Long	Tiêu chuẩn 3 CSVC	- 11 phòng phục vụ học tập (dự kiến 11 tỷ) - 2 phòng hỗ trợ học tập (dự kiến 2 tỷ) - 11 phòng phụ trợ (dự kiến 11 tỷ) 01 phục vụ sinh hoạt (dự kiến 1 tỷ) 05 phòng học (dự kiến 5 tỷ) (dự kiến tổng kinh phí 30 phòng = 30 tỷ)	(Chờ Trường THPT TX Bình Long chuyển đến địa điểm mới)	(Dự kiến) 5/2025
IV. THỊ XÃ CHON THÀNH						
13	TH Minh Hưng B	UBND thị xã Chơn Thành	1. Cơ sở vật chất: - Thiếu 4 phòng học - Thay 8 phòng học đã xuống cấp hết thời gian sử dụng - Thiếu 01 nhà vệ sinh cho học sinh Nam, Nữ. - Thiếu 01 phòng KHCN, 01 phòng anh văn, 01 phòng đa năng, 01 phòng truyền thống, 01	1. Kinh phí khoảng 21 tỷ: - Xây mới và thay mới tổng 12 phòng học, kèm hệ thống PCCC - Nhà vệ sinh năm, nữ - Xây dãy lầu gồm các phòng : phòng KHCN + thiết bị, phòng anh văn + thiết bị, phòng đa năng, phòng truyền thống, phòng tư vấn + thiết bị, phòng y	1. Nội dung 1: Giao phòng Tài chính – Kế hoạch phối hợp phòng GD&ĐT rà soát tham mưu trình HĐND, UBND phê duyệt.	4/2025

		<p>phòng tư vấn, 01 phòng y tế, 01 phòng nghỉ giáo viên, 01 phòng kho, 01 phòng họp, 01 thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng đội.</p> <p>- Thiếu hệ thống PCCC</p> <p>- Thiếu mái che TDTT, GDTC</p> <p>2. Thiếu 10 tivi 65 in</p> <p>3. Thiếu 20 tủ đựng thiết bị tại lớp học</p> <p>4. Thiếu thiết bị dạy học lớp 2,3,4,5 theo CT GDPT 2018</p> <p>5. Thiếu trang trí cảnh quan</p> <p>6. Thiếu GCN QSDD</p> <p>7. Thiếu 1 giáo viên Tin, 1 giáo viên GDTC, 5 giáo viên chung, 1 kế toán</p>	<p>tế + thiết bị, phòng nghỉ giáo viên, phòng kho, phòng đội + thiếu bị, phòng họp + bàn ghế, phòng thiết bị + thiết bị, phòng thư viện + thiết bị.</p> <p>- Mái che sân trường phục vụ TDTT, vui chơi, diện tích 600 m²</p> <p>2. 10 tivi 65 in = 150 triệu</p> <p>3. 20 tủ đựng thiết bị = 60 triệu</p> <p>4. Thiết bị lớp 2,3,4,5 = 600 triệu</p> <p>5. trang trí cảnh quan = 2.000 triệu</p>	<p>2. Nội dung 2: Nhà trường xây dựng kế hoạch vận động xã hội hóa</p> <p>3. Nội dung 3: Nhà trường cân đối kinh phí được giao và đầu tư</p> <p>4. Nội dung 4: Chờ chủ trương của UBND tỉnh</p> <p>5. Nội dung 5: UBND Phường Minh Hưng cân đối ngân sách đầu tư</p> <p>6. Nội dung 6: Hồ sơ đăng kí quyền sử dụng đất: Đang tiến hành làm thủ tục cấp, đã nộp dịch vụ công, tuy nhiên còn thiếu bản quy hoạch của phường Minh Hưng có hiện trạng đất giáo dục của trường TH Minh Hưng B.</p> <p>7. Nội dung 7: Giao phòng Nội vụ tham mưu sắp xếp biên chế đảm bảo quy định</p>	
--	--	---	---	--	--

14	Trường TH Quang Minh	UBND thị xã Chơn Thành	<p>1. Cơ sở vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 01 phòng Thư viện, 01 phòng thiết bị, 01 phòng đội, 01 phòng y tế, phòng truyền thông tư vấn, phòng Khoa học công nghệ, các phòng Khu hiệu bộ, phòng nghỉ giáo viên - Thiếu hệ thống PCCC <p>2. Thiếu thiết bị phòng Lab</p> <p>3. Thiếu 01 nhà vệ sinh cho học sinh nữ và nam</p> <p>4. Thiếu thiết bị dạy học lớp 2, 3, 4,5 theo CT GDPT 2018</p> <p>5. Hệ thống thoát nước</p> <p>6. Trang trí cảnh quan</p> <p>7. Thiếu GCN QSDD</p> <p>8. Thiếu 04 GV chung và 01 GV Tin</p>	<p>1. Kinh phí: 13.400 triệu</p> <p>Xây 1 dãy lầu kèm PCCC (kinh phí 12 tỷ): phòng y tế, phòng truyền thông tư vấn, phòng Khoa học công nghệ, các phòng Khu hiệu bộ, phòng nghỉ giáo viên</p> <p>2. Thiết bị phòng Lab = 700 triệu</p> <p>3. 01 nhà vệ sinh học sinh nữ: = 600 triệu</p> <p>4. Thiết bị 2,3,4,5 = 600 triệu</p> <p>5. Hệ thống thoát nước: 200 triệu</p> <p>6. Trang trí cảnh quan: 1.000 triệu</p>	<p>- Nội dung 1+2+3: . Giao phòng Tài chính – Kế hoạch phối hợp phòng GD&ĐT rà soát tham mưu trình HĐND, UBND phê duyệt.</p> <p>- Nội dung 4. Chờ chủ trương của UBND tỉnh</p> <p>- Nội dung 5 + 6: Giao UBND xã Quang Minh cân đối nguồn ngân sách đầu tư</p> <p>- Nội dung 7: Hồ sơ đăng kí quyền sử dụng đất: Đang tiến hành làm thủ tục cấp, đã nộp dịch vụ công, tuy nhiên còn thiếu bản quy hoạch của xã Quang Minh có hiện trạng đất giáo dục của trường TH Quang Minh</p> <p>- Nội dung 8: Giao phòng Nội vụ tham mưu sắp xếp biên chế đảm bảo quy định</p>	4/2025
15	Trường TH&THCS	UBND thị xã Chơn	1. Thiếu gói thiết bị 8 phòng bộ	1. Tổng kinh phí: 2.300	2. Nội dung 1+2+3: Giao phòng Tài chính – Kế	4/2025

	Minh Thành	Thành	<p>môn THCS.</p> <p>2. Cơ sở vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà để xe giáo viên, nhân viên. - Nhà vệ sinh học sinh xuống cấp (TH, THCS) - Tu sửa 10 phòng học khối THCS, bổ sung bàn ghế - Tu sửa toàn bộ khu hiệu bộ TH - Xây thêm phòng học TH (hiện tại đang thiếu 3 phòng học). - Hệ thống thoát nước, PCCC <p>3. Chi phí trang trí cảnh quan</p> <p>4. Thiếu 15 tivi 65 inch (đã có 8 tivi 55 inch)</p> <p>5. Thiếu thiết bị dạy học lớp 2-9 theo CT GDPT 2018</p> <p>6. Thiếu 01 CBQL, 08 giáo viên: 1 tiếng Anh, 1 MT, 1AN, 1 GDTC và 04 GV chung.</p> <p>7. Thiếu GCN QSDD</p>	<p>2. Tổng kinh phí: 18.200</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 Nhà vệ sinh HS: 2000 - Tu sửa 10 phòng học khối THCS, kèm bàn ghế: 1200 - Tu sửa toàn bộ phòng học, khu hiệu bộ - Tiểu học: 2500 <p>0 Xây 10 phòng - Tiểu học (2 phòng chức năng, 8 phòng học): 10.000</p> <p>3. Trang trí cảnh quan; 2000</p> <p>4. Tivi: 15 cái = 300</p> <p>5. Thiết bị dạy học lớp 2 đến lớp 9 (GDPT 2018): 1.000</p>	<p>hoạch phối hợp phòng GD&ĐT rà soát tham mưu trình HĐND, UBND phê duyệt.</p> <p>4. Nội dung 4: Xây dựng kế hoạch xã hội hóa</p> <p>5. Nội dung 5: Chờ chủ trương của UBND tỉnh</p> <p>6. Nội dung 6: Thiếu biên chế và giáo viên: Giao phòng Nội vụ tham mưu.</p> <p>7. Nội dung 7: Hồ sơ đăng ký cấp QSDD đang tiến hành tổng hợp gửi TTHCC tỉnh.</p>	
16	THCS Minh Thắng	UBND thị xã Chơn Thành	<p>1. Cơ sở vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 03 phòng bộ môn. - Thiếu 01 phòng thư viện. 	<p>1. Kinh phí: 8.100 triệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 6 phòng học và phòng chức năng: 6.000 triệu. 	<p>- Nội dung 1 + 2: Giao phòng Tài chính – Kế hoạch phối hợp phòng GD&ĐT rà soát tham</p>	4/2025

			<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 01 phòng truyền thống - Thiếu bàn ghế học sinh - Thiếu phòng bảo vệ - Sơn sửa 10 phòng học <p>2. Trang trí cảnh quan</p> <p>3. Thiếu 02 Ti-vi 65'</p> <p>4. Thiếu thiết bị dạy học lớp 6, 7, 8 theo CT GDPT 2018</p> <p>5. Thiếu 01 văn thư</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng bảo vệ: 500 triệu. - Sơn sửa 10 phòng: 1.500 triệu. - Bàn ghế học sinh: 100 triệu. <p>2. Trang trí cảnh quan: 1.500 triệu.</p> <p>3. Tivi: 40 triệu.</p> <p>4. Thiết bị lớp 6 – 9: 125 triệu.</p>	<p>muru trình HĐND, UBND phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung 3: Xây dựng kế hoạch Xã hội hóa - Nội dung 4: Đang chờ chủ trương của UBND tỉnh - Nội dung 5: Phòng Nội vụ tham mưu UBND thị xã. 	
17	TH&THCS Minh Long	UBND thị xã Chơn Thành	<p>1. Cơ sở vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu phòng bảo vệ 2 cấp - Thiếu Nhà xe giáo viên - Thiếu nhà vệ sinh HS cấp học Tiểu học - Thiếu nhà vệ sinh giáo viên - Thay mới 2 cổng trường - Sơn sửa phòng học <p>2. Trang trí cảnh quan</p> <p>3. Thiếu 02 Ti-vi 65'</p> <p>4. Thiếu thiết bị dạy học lớp từ lớp 2 đến lớp 9 theo CT GDPT 2018</p> <p>5. Thiếu 05 giáo viên và 01 văn</p>	<p>1. Nội dung 1: Kinh phí 10.600 triệu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 phòng bảo vệ: 1.000 triệu - 2 Nhà xe GV-NV: 1.200 triệu - 2 cổng trường: 2.000 triệu - Sơn sửa phòng: <p>2. Nội dung 2: 3.000 triệu</p> <p>3. Nội dung 3: 40 triệu.</p> <p>4. Nội dung 4: 1.000 triệu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung 1 + 2: Giao phòng Tài chính – Kế hoạch phối hợp phòng GD&ĐT rà soát tham mưu trình HĐND, UBND phê duyệt. - Nội dung 3: Xây dựng kế hoạch Xã hội hóa - Nội dung 4: Đang chờ chủ trương của UBND tỉnh - Nội dung 5: Phòng Nội 	4/2025

			thư		vụ tham mưu UBND thị xã.	
V. HUYỆN ĐỒNG PHÚ						
18	MN Tân Hưng	Huyện Đồng Phú	Phòng học xuống cấp, thiếu phòng chức năng, thiếu thiết bị, đồ dùng đồ chơi	Cần bổ sung 6 phòng học, 04 phòng chức năng, mua sắm thiết bị, đồ dùng đồ chơi với số tiền là 12 tỷ	Bổ dung kinh phí xây dựng vào 6 tháng đầu năm 2025	4/2025
19	MN Tân Lợi	Huyện Đồng Phú	Thiếu khối hành chính, nhà bếp, kho, thiếu thiết bị, đồ dùng đồ chơi	Cần bổ xây dựng khối phòng hành chính, nhà kho, nhà bếp, mua sắm thiết bị, đồ dùng đồ chơi với số tiền là 22 tỷ	Bổ dung kinh phí xây dựng vào 6 tháng đầu năm 2025	4/2025
VI. HUYỆN BÙ ĐĂNG						
20	MN Đăng Hà	Huyện Bùi Đăng	<p>- Điểm Thôn 4: Thiếu 02 phòng học; sửa chữa 2 phòng học; xây công, hàng rào; nhà để xe giáo viên. Điểm chính: xây dựng 03 phòng hành chính, 01 phòng hỗ trợ (hội trường), 01 phòng phụ trợ; sửa chữa 04 phòng học thành bếp, kho bếp, phòng hành chính, phụ trợ. Các hạng mục khác (công, hàng rào, nhà bảo vệ, nhà để xe giáo viên, nhà vệ sinh giáo viên, sân chơi, sân khấu, đồ chơi ngoài trời, cây xanh, giếng nước, PCCC.</p> <p>- Điểm chính chưa có giấy chứng nhận QSDĐ (Trường đã thực hiện hồ sơ gửi về phòng tài nguyên môi trường huyện Bùi Đăng, văn phòng đất đai đã đo</p>	<p>- Nhu cầu xây dựng 07 phòng và các hạng mục, mức kinh phí đầu tư khoảng 12 tỷ đồng.</p> <p>- Điểm thôn 4: Nhu cầu bổ sung khoảng 1.200m² đất</p> <p>- Đủ đội ngũ CBQL, GV, NV. Đáp ứng yêu cầu dạy và học.</p>	<p>- Đã đưa vào kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND. Dự kiến thời gian hoàn thành xây dựng trong quý II/2025.</p> <p>- Đang quy hoạch đất giáo dục điểm Thôn 4; quy hoạch đất điểm chính cùng với khu trung tâm hành chính xã Đăng Hà.</p>	4/2025

			đạc làm hồ sơ ký giáp ranh. Hiện tại khi xây hàng rào của trường đã xảy ra tranh chấp giáp ranh ban quản lý huyện, xã đã về nắm bắt và làm việc. Đang chờ kết quả.) ; Điểm Thôn 4 chưa quy hoạch đất giáo dục.			
21	TH Đak Nhou	Huyện Bù Đẳng	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 30 phòng học; 09 phòng bộ môn; 08 phòng hành chính; 05 phòng hỗ trợ học tập; 04 phòng phụ trợ; nhà tập đa năng; bếp, kho bếp, nhà ăn. Hạng mục khác: Cổng, hàng rào, sân chơi, sân khấu, cột cờ, sân tập TDTT có mái che; công trình vệ sinh GV và HS, nhà để xe GV và HS; hệ thống cấp thoát nước, cây xanh; phòng cháy chữa cháy. - Điểm cũ đã có Giấy hẹn trung tâm hành chính công (Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số 000.00.11.H10.241122-0005/TTPVHCC). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu xây dựng 56 phòng và các hạng mục, mức kinh phí đầu tư khoảng 50 tỷ đồng. - Đã quy hoạch ra điểm mới với diện tích khoảng 12.000m². - Đội ngũ: thiếu 2,5 GV, 01 NV Kế toán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã đưa vào kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND. Hiện đang xây dựng, chuẩn bị hoàn thiện. Dự kiến thời gian hoàn thành xây dựng trong quý II/2025. - Đang thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ. - UBND huyện đã giao đủ kinh phí trong biên chế được giao, cơ bản đáp ứng các hoạt động dạy và học. 	4/ 2025
22	TH Trần Quốc Toàn	Huyện Bù Đẳng	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 04 phòng học; khối hiệu bộ (06 phòng hành chính; 04 phòng hỗ trợ; 03 phòng phụ trợ). Hạng mục: xây cổng, hàng rào mặt trước, hàng rào phía sau; sân chơi; nhà vệ sinh học sinh; nhà để xe GV, HS; mái che sân tập. Sơn, chống thấm, đảo ngói 4 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu xây dựng 17 phòng và các hạng mục, mức kinh phí đầu tư khoảng 14,8 tỷ đồng. - Nhu cầu bổ sung khoảng 2.000m² đất. - Đội ngũ: thiếu 05 GV, 01 TPT đội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã đưa vào kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND. Dự kiến thời gian hoàn thành xây dựng vào quý III/2025. - Dự kiến quy hoạch khu đất 2.000m² phía sau trường. 	4/2025

			<p>phòng cấp 3, sửa chữa 02 phòng học cấp IV.</p> <p>- Điểm chính đã có Giấy CNQSD đất được Sở TN và MT cấp ngày 07/11/2024 theo số phát hành: DP 367987 và số vào sổ cấp GCN: CT 11 tại thửa đất số 340 tờ bản đồ số 18 với diện tích 4.799,5 m² (Đất xây dựng cơ sở Giáo dục và Đào tạo)</p>		<p>- UBND huyện đã giao đủ kinh phí trong biên chế được giao, cơ bản đáp ứng các hoạt động dạy và học.</p>	
23	TH Đức Liễu	Huyện Bù Đổng	<p>- Điểm chính cần sửa chữa: 08 phòng học thành 06 phòng hành chính; 04 phòng hỗ trợ học tập; 03 phòng phụ trợ; mua sắm thiết bị các phòng hành chính, phòng hỗ trợ học tập và phòng phụ trợ. Hạng mục: Xây dựng nhà vệ sinh cho giáo viên, sửa chữa nhà vệ sinh cho học sinh, làm các mái che liên kết các dãy phòng học với nhau và liên kết tới nhà vệ sinh của học sinh; xây dựng sân khấu, làm mái che sân tập, nhà bảo vệ, nhà để xe học sinh, sân cỏ nhân tạo, sơn sửa, chống thấm lại dãy 08 phòng học cũ và cải tạo 01 phòng học thành phòng thư viện, làm hàng rào bằng lưới B40 tại các vị trí chưa có tường rào.</p> <p>Điểm lẻ Nông trường: Sửa chữa công trường, làm hàng rào bằng lưới B40 tại vị trí chưa có tường rào, mua sắm bàn ghế cho học</p>	<p>- Nhu cầu xây dựng và sửa chữa các hạng mục, mức kinh phí đầu tư khoảng 3,5 tỷ đồng.</p> <p>- Hồ sơ đã gửi Trung tâm hành chính công tỉnh.</p> <p>- Đội ngũ: Thờa 2,5 giáo viên chung, thiếu 01 giáo viên Tiếng anh.</p>	<p>- Chuẩn bị đưa vào kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025. Dự kiến thời gian hoàn thành sửa chữa trong quý II/2025.</p> <p>- Hồ sơ đã gửi Trung tâm hành chính công tỉnh, chờ kết quả.</p> <p>- UBND huyện đã giao đủ kinh phí trong biên chế được giao, cơ bản đáp ứng các hoạt động dạy và học.</p>	4/2025

			sinh. - Điểm chính chưa có giấy chứng nhận QSDĐ.			
24	THCS Nguyễn Khuyến	Huyện Bù Đăng	- Thiếu 01 phòng học; 09 phòng bộ môn; khối hiệu bộ (06 phòng hành chính; 04 phòng hỗ trợ học tập). Hạng mục: sân chơi, nhà để xe GV, HS; nhà vệ sinh giáo viên, HS; nhà bảo vệ; làm mái che sân tập. Sửa chữa cổng, hàng rào mặt trước; cải tạo 04 phòng cấp IV thành phòng phụ trợ; sơn dây 10 phòng học và bổ sung bàn, ghế học sinh. - Điểm chính chưa có giấy chứng nhận QSDĐ.	- Nhu cầu xây dựng 20 phòng và các hạng mục, mức kinh phí đầu tư khoảng 18,55 tỷ đồng. - Hồ sơ đã gửi Trung tâm hành chính công tỉnh. - Đội ngũ thiếu: 01 CBQL, 01 NV thư viện.	- Đã đưa vào kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND. Dự kiến thời gian hoàn thành xây dựng vào quý III/2025. - Hồ sơ đã gửi Trung tâm hành chính công tỉnh, chờ kết quả. - UBND huyện đã giao đủ kinh phí trong biên chế được giao, cơ bản đáp ứng các hoạt động dạy và học.	4/2025
VII. HUYỆN PHÚ RIỀNG						
25	MG Phú Trung	Huyện Phú Riềng	1. Thiếu 01 phó hiệu trưởng 2. Thiếu 04 phòng hành chính quản trị, 01 Hội trường 3. Thiếu thiết bị 02 phòng học bộ môn (Giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật) 4. 100m hàng rào lưới sắt điểm chính 5. Thiếu giấy chứng nhận QSD đất điểm trường chính và điểm	1. 04 phòng hành chính quản trị, 01 Hội trường = 6.000 triệu 2. Thiết bị 02 phòng học bộ môn = 120 triệu 3. Hàng rào 100m: 70 triệu Tổng kinh phí: 6.190 triệu Số kinh phí đã phân bổ: 6.190 triệu Số kinh phí còn thiếu: Không	1. Nhân sự CBQL trường UBND huyện đang thực hiện các thủ tục để bổ nhiệm (Dự kiến đầu tháng 12/2024) 2. 04 phòng hành chính quản trị, 01 hội trường: Đã xây dựng xong phần thô, chuẩn bị lợp mái. 3. Thiết bị 02 phòng học bộ môn và công trình 100m hàng rào lưới sắt	Kế hoạch năm 2024 (<i>Đã có Quyết định thành lập Đoàn ĐGN và đã khảo sát chính thức vào ngày 16/01/2025</i>)

			Phú Bình		điểm chính: Đã xong đấu thầu, đang mua sắm và chuẩn bị bàn giao thiết bị cho trường. Riêng hàng rào chuẩn bị khởi công xây dựng. 4. GCN quyền sử dụng đất: Hồ sơ đang làm ở văn phòng đăng ký đất đai huyện (chờ ra bản vẽ).	
26	TH Long Hà A		<p>A. Nhân sự: Thiếu 02 Phó hiệu trưởng.</p> <p>B. CSVC:</p> <p>1. Phòng học xuống cấp: 08 phòng (trong đó 4 phòng dạy môn chuyên và 4 phòng dạy học môn chung).</p> <p>2. Thiếu các phòng gồm: 02 phòng nghỉ của giáo viên; 1 phòng đa chức năng; 1 phòng đoàn thể.</p>	<p>A. Nhân sự: 02 nhân sự đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng.</p> <p>B. CSVC:</p> <p>1. Xây mới 9 phòng học lầu và công trình phụ với tổng kinh phí 8 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2024-2026.</p> <p>2. Cải tạo 04 trong 08 phòng học xuống cấp. Dự kiến kinh phí khoảng 70 triệu đồng</p> <p>Tổng kinh phí: 8.070 triệu</p> <p>Số kinh phí đã phân bổ: 8.000 triệu</p> <p>Số kinh phí còn thiếu: 70 triệu (do trường vận động tài trợ)..</p>	<p>A. Nhân sự: UBND huyện đang thực hiện các thủ tục để kiện toàn. Dự kiến hoàn thành trong quý I/2025 (nguồn quy hoạch tại chỗ 01 người).</p> <p>B. CSVC:</p> <p>1. Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND huyện. Dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2025.</p> <p>2. Sử dụng 04 phòng học đã cải tạo để sử dụng làm 02 phòng nghỉ của giáo viên; 1 phòng đa chức năng; 1 phòng đoàn thể. Dự kiến hoàn thành trong năm 2025.</p>	6/2025
			A. Nhân sự: Thiếu 01 Phó Hiệu	A. Nhân sự: 01 nhân sự đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm Phó Hiệu	A. Nhân sự CBQL: UBND huyện đang thực	8/2025

27	TH Long Phú	Huyện Phú Riềng	<p>trưởng</p> <p>B. CSVC:</p> <p>1. Thiếu thiết bị 04 phòng học bộ môn (1 ti vi phòng Mỹ thuật, 1 ti vi phòng KH-CN, 1 ti vi phòng Âm nhạc, 1 ti vi phòng Tiếng Anh) .</p> <p>2. 90m tường rào và 12m cống rãnh thoát nước trước cổng trường.</p> <p>3. Giấy CNQSD chưa có</p>	<p>trưởng.</p> <p>B. CSVC:</p> <p>1. Thiết bị 04 phòng học bộ môn gồm: 4 ti vi 65 in, kinh phí ước tính 60 triệu đồng).</p> <p>2. Tường rào 90m và 12m cống rãnh thoát nước, kinh phí ước tính 200 triệu</p> <p>Tổng kinh phí: 262 triệu</p> <p>Số kinh phí đã phân bổ: 0</p> <p>Số kinh phí còn thiếu: 262 triệu.</p>	<p>hiện các thủ tục để kiện toàn. Dự kiến hoàn thành trong quý I/2025 (nguồn quy hoạch tại chỗ).</p> <p>B. CSVC:</p> <p>1-2: UBND huyện đang tổng hợp chung, dự kiến bố trí vốn sự nghiệp năm 2025 để thực hiện. Dự kiến hoàn thành trong quý III/2025.</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký cấp GCN QSD đất: Cơ quan đăng ký đất đai đang thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, dự kiến hoàn thành hồ sơ và cấp GCN QSD đất trong quý II/2025</p>	
28	THCS Bù Nho	Huyện Phú Riềng	<p>A Nhân sự: Thiếu 01 Phó Hiệu trưởng</p> <p>B. CSVC:</p> <p>1. Thiếu 09 phòng học bộ môn kèm theo trang thiết bị (03 phòng KHTN, 01 phòng Công nghệ, 01 phòng Tin học, 01 phòng Ngoại ngữ, 02 phòng học Đa chức năng, 01 phòng KHXH).</p> <p>2. Xây lại 156m tường rào cũ có nguy cơ sụp đổ (giáp Trường THPT Nguyễn Khuyến); hệ thống thoát nước; 01 giếng</p>	<p>A Nhân sự: 01 nhân sự đủ tiêu chuẩn để bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng.</p> <p>B. CSVC:</p> <p>1. Xây mới 08 phòng học lầu kèm thiết bị với tổng kinh phí 6,8 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư công ngân sách huyện năm 2024-2026.</p> <p>2. Tường rào, hệ thống thoát nước, giếng khoan: 1,050 tỷ đồng</p> <p>3. Sửa 16 phòng học lầu: 1,6 tỷ</p>	<p>A. Nhân sự CBQL: UBND huyện đang thực hiện các thủ tục để kiện toàn. Dự kiến hoàn thành trong quý III/2025 (nguồn quy hoạch tại chỗ).</p> <p>B. Về CSVC:</p> <p>1. 09 phòng học bộ môn kèm thiết bị: Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND huyện. Dự kiến hoàn thành và đưa</p>	8/2025

			<p>khoan.</p> <p>3. Sửa chữa lại 16 phòng học lầu.</p>	<p>đồng.</p> <p>Tổng kinh phí: 9,45 tỷ đồng</p> <p>Số kinh phí đã phân bổ: 6,8 tỷ đồng</p> <p>Số kinh phí còn thiếu: 2,65 tỷ đồng</p>	<p>vào sử dụng trong năm 2025.</p> <p>2-3. UBND huyện đang tổng hợp chung, sẽ rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên và bố trí vốn sự nghiệp năm 2025 để thực hiện. Dự kiến hoàn thành trong quý IV/2025.</p>	
29	TH&THCS Bình Sơn	Huyện Phú Riềng	<p>A. Nhân sự: Thiếu 01 Phó hiệu trưởng THCS</p> <p>B. CSVC:</p> <p>1. Thiếu thiết bị 06 phòng học bộ môn (Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật)</p> <p>2. Xây mới 02 nhà vệ sinh học sinh (cấp THCS và điểm lẻ Bình Minh); Sửa chữa 01 nhà vệ sinh học sinh điểm chính Bình Điền (cấp TH).</p> <p>3. Thiếu giấy chứng nhận QSD đất điểm Bình Minh</p>	<p>A. Nhân sự: 01 nhân sự để bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng.</p> <p>B. CSVC:</p> <p>1. Thiết bị 06 phòng học bộ môn (Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật) = 250 triệu</p> <p>2. 02 nhà vệ sinh học sinh (cấp THCS và điểm lẻ Bình Minh); 01 nhà vệ sinh học sinh điểm chính Bình Điền (cấp TH) = 520 triệu</p> <p>Tổng kinh phí: 770 triệu</p> <p>Số kinh phí đã phân bổ: 770 triệu</p> <p>Số kinh phí còn thiếu: Không</p>	<p>A. Nhân sự: UBND huyện đang thực hiện các thủ tục để kiện toàn. Dự kiến hoàn thành trong quý I/2025 từ nguồn quy hoạch tại chỗ.</p> <p>B. CSVC:</p> <p>1. Thiết bị 06 phòng bộ môn: Đã đấu thầu, mua sắm và đang làm thủ tục bàn giao cho trường trong tháng 01/2025.</p> <p>2. Công trình xây mới 02 nhà vệ sinh học sinh (cấp THCS và điểm lẻ Bình Minh) và sửa chữa 01 nhà vệ sinh học sinh điểm chính Bình Điền (cấp TH) đang tiến hành xây dựng, dự kiến đưa vào sử dụng trong quý I/2025.</p> <p>3. Hồ sơ đo đạc đã nộp Sở TNMT từ tháng 1/2023. Tuy nhiên, do Luật đất đai</p>	02/2025

					2024 có hiệu lực từ 01/8/2024, hiện Sở TN&MT chưa có văn bản hướng dẫn nên chưa thực hiện được các bước tiếp theo.	
30	TH&THCS Trần Phú	Huyện Phú Riềng	<p>1. Thiếu 01 HT, 01 PHT cấp THCS</p> <p>2. Thiếu 14 ti vi và thiết bị 06 phòng học bộ môn (Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật)</p> <p>3. Thiếu giấy chứng nhận QSD đất điểm Bình Trung</p>	<p>1. 14 ti vi 65' và thiết bị 06 phòng học bộ môn (Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật) = 460 triệu</p> <p>Tổng kinh phí: 460 triệu</p> <p>Số kinh phí đã phân bổ: 460 triệu</p> <p>Số kinh phí còn thiếu: Không</p>	<p>1. Nhân sự CBQL trường UBND huyện đang thực hiện các thủ tục đề bổ nhiệm (Dự kiến đầu tháng 12/2024)</p> <p>2. Thiết bị 06 phòng bộ môn, 14 ti vi còn thiếu: Đã xong đấu thầu, đang mua sắm và chuẩn bị bàn giao thiết bị cho trường.</p> <p>3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Đang hoàn tất thủ tục.</p>	<p>KH năm 2024 (Đã có Quyết định thành lập Đoàn ĐGN và lịch khảo sát sơ bộ)</p>
VIII. HUYỆN BÙ ĐÓP						
31	Trường PT THCS DTNT Bù Đốp	Huyện Bù Đốp	<p>Cơ bản đáp ứng theo quy định. Đang hoàn thành xây dựng 9 phòng chức năng dự kiến bàn giao tháng 2/2025</p>	<p>Phòng học, phòng chức năng đáp ứng theo quy định.</p>		4/2024
IX. HUYỆN BÙ GIA MẬP						
			<p>- Tiêu chí 3.1 về diện tích khuôn viên trường và sân trường: Nhà trường xin làm khu vườn cổ tích, vườn rau của Bé; xây dựng sân khấu ngoài trời.</p>	<p>- Tiêu chí 3.1 về diện tích khuôn viên trường và sân trường:</p> <p>Tổng kinh phí là: 126.057.000 đồng, trong đó:</p> <p>+ Khu vườn cổ tích: 75.957.000</p>	<p>- Tiêu chí 3.1 về diện tích khuôn viên trường và sân trường:</p> <p>Phòng GD&ĐT và nhà trường tiếp tục tham mưu</p>	

32	MN Bình Thắng	Huyện Bù Gia Mập	<p>- Tiêu chí 3.5 về thiết bị, đồ dùng, đồ chơi: Nhà trường đề nghị đầu tư kinh phí trang bị thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trong lớp học; lắp đặt thiết bị và đồ chơi ngoài trời để tổ chức hoạt động vận động của trẻ; thiết bị các phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, phòng đa năng, ...</p>	<p>đồng. + Vườn rau của Bé: 8.500.000đ. + Xây sân khấu ngoài trời: 41.600.000 đồng. - Tiêu chí 3.5 về thiết bị, đồ dùng, đồ chơi: Tổng kinh phí đề nghị bố trí là: 1.304.000.000 đồng, trong đó: + Đồ dùng, đồ chơi trong phòng học: 98.000.000 đồng; + Thiết bị và đồ chơi ngoài trời: 450.000.000 đồng; + Thiết bị phòng GD thể chất: 95.000.000 đồng; + Thiết bị phòng GD nghệ thuật: 110.000.000 đồng; + Thiết bị phòng đa chức năng: 350.000.000 đồng. + Thiết bị phòng hội trường: 75.000.000 đồng. + Thiết bị nhà bếp: 126.000.000 đ.</p>	<p>bố trí vốn để thực hiện trong quý I/2024. - Tiêu chí 3.5 về thiết bị, đồ dùng, đồ chơi: Ngày 22/11/2023, Phòng GD&ĐT có Tờ trình số 179/TTr-PGDĐT gửi Phòng TCKH huyện để xem xét phối hợp tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí đầu tư trường chuẩn quốc gia, trong đó Phòng GD&ĐT và nhà trường có đề nghị số kinh phí là 1.304.000.000 đồng. Phòng GD&ĐT và nhà trường tiếp tục tham mưu bố trí vốn để thực hiện trong quý I/2024.</p>	4/2025
X. HUYỆN LỘC NINH						
33	TH&THCS Lộc Thuận	Huyện Lộc Ninh	Cơ sở vật chất còn thiếu	<p>Cơ sở vật chất thiếu: 02 phòng khối HCQT; 06 phòng khối học tập, 02 phòng hỗ trợ học tập; 03 phòng khối phụ trợ, nhà tập có mái che, nhà xe giáo viên và học sinh Kinh phí dự toán: 19.100 triệu đồng</p>	<p>HĐND huyện đã ban hành Nghị Quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/7/2024 quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C giai đoạn 2021-2025</p>	3/2024

34	TH&THCS Lộc Thanh	Huyện Lộc Ninh	Cơ sở vật chất còn thiếu	Cơ sở vật chất thiếu: 04 phòng khối HCQT; 08 phòng khối học tập; 04 phòng hỗ trợ học tập; 06 phòng khối phụ trợ; và các công trình khối phụ trợ. Kinh phí dự toán: 23.500 triệu đồng	HĐND huyện đã ban hành Nghị Quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/7/2024 về quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C giai đoạn 2021-2025	3/2024
35	TH&THCS Lộc Thịnh	Huyện Lộc Ninh	Cơ sở vật chất còn thiếu	Cơ sở vật chất thiếu: 02 phòng khối HCQT; 17 phòng khối học tập; 03 phòng hỗ trợ học tập; 04 phòng khối phụ trợ; phòng giáo viên, nhà xe, công, hàng rào, sân bê tông, giếng khoan... Kinh phí dự toán: 39.000 triệu đồng	HĐND huyện đã ban hành Nghị Quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/7/2024 về quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm C giai đoạn 2021-2025	3/2024
36	THCS Lộc Hiệp	Huyện Lộc Ninh	Cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn			3/2024
37	MG Măng Non (Dự phòng)	Huyện Lộc Ninh	Cơ sở vật chất còn thiếu	Cơ sở vật chất thiếu: 04 phòng học; 02 phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật; 01 phòng Thư viện; nhà kho, nhà bếp và công trình phụ trợ. Kinh phí dự toán: 13.300 triệu đồng	UBND chỉ đạo các Phòng, Ban liên quan huyện đã tổ chức khảo sát thiết kế, lập hồ sơ dự toán tham mưu UBND huyện trình HĐND huyện thông qua nguồn vốn đầu tư	10/2025
XI. HUYỆN HÓN QUẢN						
38	MN Minh Đức	Huyện Hón Quản	Xây dựng trường mới chưa có công, hàng rào (Chưa được giao dự toán cho các hạng mục này)		- Đã giao kinh phí và phê duyệt báo cáo kỹ thuật	4/2025

39	TH Đồng Nơ	Huyện Hớn Quản	Tiêu chí 3.2: Phòng học Nhà trường thiếu 14 phòng học Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị.		Đang tiến hành các bước giao kinh phí xây dựng	9/2025
40	THCS Tân Khai	Huyện Hớn Quản			Đang hoàn thành các hạng mục ở điểm trường mới (dự kiến hoàn thành và bàn giao trong tháng 5/2025)	9/2025
41	TH&THCS Minh Tâm (dự phòng)	Huyện Hớn Quản	Sơn tường rào, khối phòng học, phòng hiệu bộ. Bàn ghế phòng họp (30 cái bàn, 60 cái ghế). Bàn ghế học sinh (40 tiểu học, 60 THCS). Máy tính phục vụ dạy- học (30 cái).		Phối hợp với các phòng ban hoàn thành các bước trình UBND huyện theo quy định	9/2025

PHỤ LỤC 2**BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NHU CẦU MỞ RỘNG ĐẤT NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Phước về thực hiện các tiêu chí để đạt chỉ tiêu trường học đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025)

1. Danh sách các trường có nhu cầu mở rộng đất trên cơ sở khu đất cũ trong năm 2025:

Stt	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích hiện có	Diện tích có nhu cầu mở rộng	Thực trạng, tiến độ giải quyết
1	MN Hoa Sen	Xã Tiến Hưng, TP Đồng Xoài	3860,1m ²	2889,2m ²	Thành phố đã bố trí vốn thực hiện, giao cho xã Tiến Hưng làm chủ đầu tư. Tuy nhiên vị trí đối đất cho trạm y tế xã đang vướng vào quy hoạch đường lên xuống cao tốc nên xã đang rà soát lại vị trí xây dựng trạm y tế để xây dựng và giao đất trạm y tế xã hiện tại cho trường mầm non Hoa Sen.
2	MN Hoa Lan	Xã Tiến Hưng, TP Đồng Xoài	2110m ²	1000m ²	Thành phố đã bố trí vốn thực hiện, dự án đang thực hiện trình tự các bước theo quy định
3	TH Tiến Hưng B	Xã Tiến Hưng, TP Đồng Xoài	4064m ²	2500m ²	Thành phố đã bố trí vốn thực hiện, dự án đang thực hiện trình tự các bước theo quy định
4	TH Tân Bình B	Phường Tân Bình, TP Đồng Xoài	9386,7m ²	4000m ²	Tỉnh đã cho chủ trương giao đất cho thành phố để mở rộng trường Tiểu học Tân Bình B 4000m ² theo đề án thành lập phân hiệu Đại học Sư phạm Kỹ thuật.

5	MN Đăng Hà	Điểm lẻ Thôn 4, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng	0	1.200	UBND xã đang tiến hành làm hồ sơ quy hoạch đất giáo dục (đất của Thôn).
6	TH Trần Quốc Toàn	Điểm chính Thôn Đăng Lang, xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng	4.799,5	2.000	UBND xã đang làm hồ sơ quy hoạch thêm 2.000 m ² phía sau trường.
7	TH Long Hà A	Thôn 8, xã Long Hà, huyện Phú Riềng	5776 m ²	1224 m ²	Phát triển phòng học theo hướng lâu hóa để dành diện tích sân chơi cho HS
8	THCS Phú Nghĩa	Thôn Đức lập, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	Diện tích 10.862,9 m ² (trong đó có 1.759,8m ² đất hành lang bảo vệ đường bộ); Thửa đất số 37; Tờ bản đồ số 44. UBND tỉnh Bình Phước đã cấp GCNQSDĐ cho TH Kim Đồng tại Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 15/01/2015, diện tích 18.652,7m ³ . Tuy nhiên, UBND huyện lấy 10.862,9 m ² để xây dựng trường THCS Phú Nghĩa, vì thế Trường đang thực hiện việc đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ theo	10.000,0m ²	UBND xã Phú Nghĩa triển khai Công văn số 919/UBND-TH ngày 17/6/2024 của UBND huyện về việc rà soát đề xuất các vị trí dự kiến quy hoạch để phục vụ lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Bù Gia Mập; Xã có cuộc họp với các thành phần: Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã, vv... để thông qua thống nhất nội dung bổ sung quy hoạch vùng; quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông trên địa bàn xã Phú Nghĩa, biên bản ghi ngày 25/7/2024 xin quy hoạch mở rộng thêm 02 ha đất cho 02 trường (THCS Phú Nghĩa và TH Kim Đồng) tại khu đất vườn cây cao su của dân ở phía sau nhà trường, số thửa 39 và 43, số tờ bản đồ 44 tại thôn Đức Lập. Lý do: Thiếu diện tích đất quy định và có quy định mới trong quy hoạch hành lang lộ giới đường bộ phải mở rộng thêm.
9	TH Kim Đồng	Thôn Đức lập, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập		10.000,0m ²	

			diện tích đất hiện hữu. Sở TN&MT Bình Phước ban hành Công văn số 1247/STNMT-CCQLĐĐ ngày 29/05/2023 về việc thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất cho Trường Tiểu học Kim Đồng, Sở TNMT yêu cầu đăng ký bổ sung nhu cầu sử dụng đất vào kế hoạch năm 2023 để gửi Sở TNMT trình UBND tỉnh phê duyệt.		
10	TH Tân Khai A	Khu phố 5, TT Tân Khai, huyện Hớn Quản	10860 m ²	5000 m ²	Đưa vào quy hoạch năm 2025
11	THCS Thanh Bình	TT Thanh Bình, huyện Bù Đốp	13000 m ²	5000 m ²	Đề nghị nhưng chưa thực hiện được
12	TH&THCS Phước Thiện	Xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	5700 m ²	3000 m ²	Đề nghị nhưng chưa thực hiện được
13	THCS Bù Đốp	Xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp	11000 m ²	5000 m ²	Đề nghị nhưng chưa thực hiện được
14	TH Thiện Hưng B	Xã Thiện Hưng, huyện Bù Đốp	5600 m ²	3000 m ²	Đề nghị nhưng chưa thực hiện được

2. Danh sách các trường cần được cấp GCN QSDĐ trong năm 2025 để đạt chuẩn quốc gia:

Stt	Tên trường (ghi theo thứ tự cấp học)	Địa chỉ (ghi cụ thể)	Tiến độ giải quyết, tham mưu để được cấp GCN	Hồ sơ minh chứng kèm theo	Ghi chú
1	TH Quang Minh	Ấp Bào Teng, xã Quang Minh, thị xã Chơn Thành	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập trường. - Quyết định quy hoạch đất xây dựng Trung tâm hành chính xã Quang Minh. 		<ul style="list-style-type: none"> - Đã có Quyết định quy hoạch đất xây dựng trường và các hồ sơ khác theo quy định. - Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định đất thuộc quy hoạch xây dựng cơ sở giáo dục tại công văn số 2244/STNMT-CCQLĐĐ ngày 31/7/2024.
2	TH Minh Hưng B	Khu phố 9, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành	<p>Đã nộp hồ sơ lên dịch vụ công, qua biên bản kiểm tra thực địa thực tế tại trường sau đó sở tài nguyên môi trường đã có công văn số 3579/STNMT-CCQLĐĐ Ngày 21/11/2024 vv trả hồ sơ đăng kí đất đai của trường tiểu học Minh Hưng B với nội dung đề nghị thị xã Chơn Thành đăng kí điều chỉnh mục đích sử dụng cho phù hợp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập trường - Quyết định 1569/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với các cơ sở nhà, đất trên địa bàn thị xã Chơn Thành. - Kế hoạch sử dụng đất 	<p>Chờ UBND thị xã điều chỉnh mục đích sử dụng đất đối với trường tiểu học Minh Hưng B rồi mới thực hiện tiếp tục các bước tiếp theo</p>

				<p>năm 2024.</p> <p>- Giấy Mảnh trích đo địa chính số 1500-2023, trích lục bản đồ, bản mô tả ranh giới, biên bản xác minh nguồn gốc đất, mảnh đo đạc, phiếu xác nhận kết quả đo đạc.</p>	
3	TH&THCS Minh Thành		Văn phòng đăng ký đất đai thị xã đề trích lục/trích đo bản đồ địa chính; ngày 20/4/2024 đã có kết quả đo đạc; hiện hồ sơ đang nộp ở VPĐK đất đai.		- Trường đã có GCNQSDĐ. Nhưng là 2 giấy chứng nhận riêng của bậc Tiểu học và THCS, trước khai sát nhập
4	TH&THCS Minh Long	KP 2, phường Minh Long, thị xã Chơn Thành.	Đã trích lục tại Một cửa TX Chơn Thành		- Trường đã có GCNQSDĐ của cấp Tiểu học
5	MN Đăng Hà	Thôn 4, xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng (Điểm chính)	<p>Đã xin trích lục bản đồ thửa đất</p> <p>Trường đã thực hiện hồ sơ gửi về phòng tài nguyên môi trường huyện Bù Đăng, văn phòng đất đai đã đo đạc làm hồ sơ ký giáp ranh. Hiện tại khi xây hàng rào của trường đã xảy ra tranh chấp giáp ranh ban quản lý dự án huyện, xã đã về nắm bắt và làm việc. Đang giải quyết.</p>	<p>- Quyết định thành lập trường.</p> <p>- Quyết định quy hoạch đất xây dựng Trung tâm hành chính xã.</p>	- Chưa có Quyết định quy hoạch đất xây dựng trường và các hồ sơ khác theo quy định.

6	TH Trần Quốc Toàn		UBND xã đang làm hồ sơ quy hoạch thêm 2.000 m ² phía sau trường		
7	TH Đak Nhau	Điểm chính đã được quy hoạch ra điểm mới	Trường đang thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ.		
8	TH Long Phú	Thôn Tân Hòa, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng	Cơ quan đăng ký đất đai đang thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, dự kiến hoàn thành hồ sơ và cấp GCN QSD đất trong quý II/2025.	Không	
9	TH&THCS Bình Sơn	Thôn Bình Minh, xã Bình Sơn, huyện Phú Riềng	Hồ sơ đo đạc địa chính xã đã nộp Sở TNMT từ tháng 1/2023. Tuy nhiên, do Luật đất đai 2024 có hiệu lực từ 01/8/2024, hiện Sở TN&MT chưa có văn bản hướng dẫn nên chưa thực hiện được các bước tiếp theo.	Không	Điểm lẻ Tiểu học
10	MN Bình Thắng	Thôn 2A, xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập	Phòng TN&MT huyện đã hoàn tất các hồ sơ quy định như: trích lục bản đồ địa định, thửa đất số 176, tờ bản đồ số 29, diện tích là 4.955,2m ² . Đã có sơ đồ bản vẽ do Công ty TNHH MTV Thái Huy do đạc, có biên bản xác minh hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất của Trường MN Bình Thắng được cán bộ địa chính xã, nhà trường và các hộ gia đình giáp ranh ký tên xác minh.	- Quyết định số 778/QĐ-UB ngày 25/09/1993 của UBND huyện Phước Long về việc thành lập trường Mẫu giáo Bình Thắng; Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 20/01/2010 của UBND huyện Bù Gia Mập về việc đổi tên trường Mẫu giáo Bình Thắng; Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 08/03/2017 của	

				<p>UBND huyện Bù Gia Mập về việc đổi tên trường Mầm Non Bình Thắng;</p> <p>- Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước;</p> <p>- Ngày 05/12/2024, UBND huyện ban hành Công văn số 1790/UBND-SX về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp, xử lý nhà đất, đất theo Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh, UBND huyện chỉ đạo Phòng TN&MT hướng dẫn, bàn giao hồ sơ liên quan cho</p>	
--	--	--	--	--	--

				trường MN Bình Thắng trước ngày 10/12/2024 để nhà trường có đủ hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho nhà trường.	
11	Trường PT THCS DTNT Bù Đốp	KP Thanh Bình, TT Thanh Bình, huyện Bù Đốp	Đã xin trích lục bản đồ thửa đất, đã gửi hồ sơ xin cấp giấy CNQSDĐ về VP đăng ký cấp GCNQSDĐ tỉnh Bình Phước	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thành lập trường của UBND tỉnh Bình Phước. - Quyết định giao đất của UBND tỉnh Bình Phước - Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ của trường 	
12	TH&THCS Minh Tâm	Tổ 6, Ấp 2, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản.	Chờ điều chỉnh lại bản vẽ		
13	TH&THCS Lộc Thạnh	Ấp Thạnh Trung, xã Lộc Thạnh, huyện Lộc Ninh	Đã đo lại hồ sơ đất	Quyết định Thành lập trường	Trường đang liên hệ cơ quan địa chính xã Lộc Thạnh làm hồ sơ
14	MG Măng Non	Ấp 1, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh	<ul style="list-style-type: none"> - Đất tại điểm chính đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 2018 (1.644,0m²) - Đất được hoán đổi với trạm y tế có diện tích 1753.5m² chưa có giấy chứng nhận (có trích bản đồ thửa đất). 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận số C0 195592 cấp ngày 18/12/2018 - Trích lục bản đồ thửa đất (ngày 21/10/2020) 	Quý 1 năm 2025 sẽ đưa vào quy hoạch sử dụng đất của xã Lộc Điền mới tiến hành các bước cấp GCNQSDĐ ./.